

Pháp Quân Trần Ngọc Anh

-oOo-

Duy Thức
lược giải



tủ sách tinh hoa việt nam
2006

Lời Mở Sách

Ba Mươi Bài Tụng Duy-thức là do Bồ-tát Thiên Thân tạo ra. Môn Duy-thức lấy đó làm bốn luận hay tổng luận. Sau có 10 vị đại luận sư soạn mỗi vị 10 quyển để giải-thích bốn luận đó, cho nên 100 quyển của các Ngài đều là mật luận hay thích luận.

Sang đời Đường bên Tàu Ngài Huyền Trang vừa dịch từ tiếng Phạn vừa rút ra từ 100 quyển kia và viết thành 10 quyển có nhan đề là *Thành Duy-Thức Luận (TDTL)*. Về sau Sa môn Trí Húc giải thích những chỗ quá hàm-súc hay quá khó hiểu trong bộ *TDTL* này làm thành 10 quyển thích luận với tên là *Quán Tâm Pháp Yếu*.

Chúng tôi đã dịch sang tiếng Việt 10 quyển của Ngài Trí Húc. Nhưng trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, không thể xuất bản toàn bộ luận này được. Do đó, chúng tôi cố gắng rút những điểm chính yếu trong bộ luận thành *Duy-Thức Lược Giải* này với độ dày về nội dung chỉ bằng 1/12 của bộ *Quán Tâm Pháp Yếu*, nhưng hy vọng có thể cống hiến cho các đạo hữu xa gần những điều, nếu không mới lạ đối với chư vị, ít ra cũng có căn bản vững chắc và sâu sắc, giúp cho sự hiểu biết về Phật-pháp của chúng ta có chỗ ứng dụng xác thực trong việc tu tập hằng ngày, trong khi chưa gặp được minh sư chỉ dẫn.

Ước mong tập *Duy-Thức Lược Giải* này sớm đem lại cho chư vị hữu duyên những lợi ích thiết-thực và một niềm vui mới mẻ lâu dài.

Sau cùng, xin hồi hướng công đức này cho tất cả chúng sinh, trong đó có các bạn thân mến xa gần.

Kính,
Như Pháp Quân

GIỚI THIỆU

I. Lược Giải hai chữ Duy-Thức và Năm Phép Quán

A. Định nghĩa:

Duy là chỉ một mình, tự nó. Tức chỉ có một mình cái Thức mà thôi, bởi vì ngoài các tâm-vương, tâm-sở ra, nhất quyết không có thực ngã, thực pháp có thể được. *Thức* là biết, là hiểu rõ, là phân-biệt từng sự vật khác nhau. Nói gọn lại, là cái biết phân-biệt. Trong cái biết này, có tâm-vương và tâm-sở; tâm-vương như vua làm chủ một nước; tâm sở như bọn bầy tôi theo phò trợ vua.

Tâm-vương có tám vị là: *nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạn-na thức, và căn bốn thức.*

Nhãn thức biết phân-biệt phần sắc-tướng ở tự tâm.

Nhĩ thức biết phân-biệt phần âm thanh ở tự tâm.

Ý thức biết phân-biệt phần pháp tướng ở tự tâm.

Mạn-na thức lặng lẽ xoay chuyển phân-biệt ngã tướng vọng chấp trong tự tâm.

Căn-bốn thức lặng lẽ xoay chuyển phân-biệt căn thân, thế giới và các chủng tử – tức là mầm mống của các pháp.

Tâm-sở có 51 món, chia ra làm 6 vị thứ, sẽ nói rõ trong phần II, mục 3 của tập này. Tâm-sở ắt tương ứng với tâm-vương, cho nên danh từ Duy-thức cũng thu nhiếp các tâm-sở vậy.

Lại nữa, Đại-thừa nên đủ 100 pháp, chia làm 5 vị thứ, nay chỉ gọi tên là Duy-thức, ấy là kể:

- 8 món thuộc tâm pháp, tức tự tánh Duy-thức;
- 51 món thuộc tâm-sở pháp, tức tương ứng Duy-thức;
- 11 món thuộc sắc pháp, tức cảnh Duy-thức biến hiện;
- 24 món thuộc Bất tướng ứng, tức phần-vị Duy-thức;
- 6 món thuộc vô vi pháp, tức thực tánh Duy-thức.

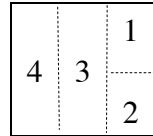
Lại nữa, người xưa giải thích rõ 5 nghĩa. Đó là *cảnh Duy-thức, Giáo Duy-thức, Lý Duy-thức, Hạnh Duy-thức, và Quả Duy-thức.*

B. Năm Phép Quán

- Quán để xua đuổi cái hư dối còn lại cái thực có—*khiển hư tồn thực quán*. Ngoại cảnh chẳng thực có, cần phải che lại. Đó là xua đuổi cái hư dối, do tánh biến-kế tướng tướng ra. Cái biết ở nội tâm chẳng phải không có; đó là cái thực còn lại trọn vẹn.
- Quán để xả bỏ cái vượt hạn, giữ lại cái thuần nhất—*xả lạm lưu thuần quán*. Nếu luận thấy tự chứng phần chuyển viển thành hai phần là: kiến phần và tướng phần, hẳn nhiên tướng phần là cảnh ở nội tâm, đó vốn là tính y tha khởi hiện. Nó chẳng phải hoàn toàn không có, đồng như ngoại cảnh, nên nói là chỉ có cái thấy (kiến) và cảnh bị thấy (tướng) ở nội tâm. Nay sợ rằng tướng phần vượt giới hạn (lạm) nội tâm, trở thành ngoại cảnh như tánh biên kế tướng tướng, cho nên mới nói *Duy-thức*. Đó là xả bỏ cái vượt hạn, giữ lại cái thuần nhất vậy.
- Quán cái nhiếp dẫn cái ngọn trở về cái gốc—*nhiep mạt qui bản quán*. Tướng phần và kiến phần đều do tự chứng phần khởi hiện. Nay nhiếp cái ngọn là hai phần kiến-tướng trở về nơi gốc của chúng là tự chứng phần cho nên nói ngay *Duy-thức*, tức là chỉ cái bản thể tự chứng phần mà thôi.

CHÚ Ý: Càng đi sâu vào nội tâm, lại thấy tự chứng phần phải được chứng tự chứng phần chứng kiến thì mới đúng lý, giống như trong một cái gương, hình ảnh là tướng phần, ánh sáng trong gương là kiến phần, mặt gương là tự chứng phần, lưng gương là chứng tự chứng phần vậy. Ta có thể dùng hình vẽ để diễn đạt ý này như sau:

1. Tướng phần như ảnh trong gương.
2. Kiến phần như ánh sáng trong gương.
3. Tự chứng phần như mặt gương.
4. Chứng tự chứng phần như lưng gương.



- Quán để ẩn giấu cái yếu kém, hiển bày cái mạnh hơn—*ẩn liệt hiển thắng quán*. Nếu luận thấy tâm vương, tâm sở mỗi thứ đều có bốn phần, thì nên nói: chỉ có tâm vương tâm sở. Nhưng tâm sở yếu kém, tâm vương mạnh hơn; tâm sở không thể làm chủ, tâm vương có ý nghĩa tự tại, cho nên đưa tâm vương lên, ắt năng nhiếp dẫn được sở, cũng như tôn vua lên tất nhiên có bầy tôi theo phò tá. Bởi thế ẩn dấu cái yếu kém của tâm sở, chỉ là để hiển bày cái ưu thắng của tâm vương, gọi ngay đó là *Duy-thức* vậy.
- Quán để đuổi tướng chứng tánh—*khiển tướng chứng tánh quán*. Tướng thuộc tánh y tha khởi, giống như cảnh mộng ảo. Tánh thuộc viên thành thực tức là chân như hiển bày hai không—không ngã, không pháp—cho nên luận văn nói rằng: Vì tâm vương, tâm sở đều do y tha khởi (tức là nương vào vật khác mà dấy lên, như tối nương sáng mà hiện, có nương không mà hiện), cũng giống như ảo ảnh, chẳng phải chơn thực có, cho nên muốn xua đuổi cái vọng chấp, tướng ngoài tâm vương, tâm sở thực có ngoại cảnh, nói nói rằng: chỉ có cái Thức mà thôi. Nếu còn vọng nữa thì đó cũng là chấp pháp, giống hệt như chấp ngoại cảnh cho là có thực vậy.

Vả lại, các tướng sai khác của thức, như trước đã nói, ấy là nương vào cái lý của người đời mà phân biệt, chứ thật ta đó chẳng phải là cái nghĩa thực đúng hơn hết (chân thắng nghĩa), vì trong chân thắng nghĩa, lời nói và khái niệm về tâm đều dứt bật cả. Luận Già-dà nói rằng:

Tâm, ý, thức, tám loại theo lý thế tục thì có sai khác, theo đúng chân lý thì tướng không sai khác, vì năng tướng và sở tướng đều không có.”

Lại nói rằng:

*Thực nghĩa của các pháp,
Đó cũng là chân như
Vì tánh nó thường như
Tức thực tánh Duy-thức.*

II. Giới Thiệu Tụng Chú, Luận Chú và Dịch Sự

A. Tụng Chú – Bồ-tát thiên thân tạo tụng

Chữ Phạn *Bà tẩu bàn đầu*, Tàu dịch là thiên-thân. Ngài có ba anh em. Người anh cả tên Vô Trước, trước tu thiền định, sau được lìa dục. Suy tư nghĩa **không**, Ngài không nhập được, bèn muốn tự sát.

Tôn giả Tân-đầu-lô vì Ngài nói pháp quán **không** của Tiểu-thừa. Ngài theo lời mà quán bèn nhập được. Nhưng ý còn chưa an, bởi nghĩ rằng: theo lý thì không nên dừng lại chỗ kết quả đó. Nhân có thần thông, Ngài đến cõi Trời Đâu-suất hỏi Bồ-tát Di Lặc. Bồ-tát vì Ngài nói phép quán **không** của Đại-thừa. Trở về Diêm-phù đề, Ngài theo lời dạy của Bồ-tát mà suy tư: đất động sáu cách. Kế đó Ngài đắc ngộ. Vì nguyên nhân ấy, đặt tên là A-tăng-già, Tàu dịch là Vô-trước.

Sau đó nhiều lần Ngài lên cõi Trời Đâu-suất, học hỏi nghĩa kinh Đại-thừa. Theo chỗ hiểu được, Ngài nói lại cho người khác nghe, nhưng đa số người nghe chẳng sanh lòng tin. Muốn khiến cho chúng sinh tin vào sự giải thoát của Đại-thừa, Ngài tự phát nguyện: chỉ nguyện cầu Đại sư xuống Diêm-phù đề giải nói pháp Đại-thừa. Bồ-tát Di Lặc y theo lời nguyện của Ngài, mỗi lần đêm đến, xuống Diêm-phù đề phóng ánh sáng lớn, tập hợp những kẻ có duyên trong một nhà để nói pháp, tụng cho họ nghe 17 phẩm địa kinh; cứ đến đêm thì tụng, như thế suốt bốn tháng mới hết. Kinh luận đó, nay là *Du Già Sư Địa Luận*. Nhân đó, mọi người đều tin theo Đại-thừa.

Em Ngài Vô Trước là Thiên Thân, học rộng nghe nhiều, thông suốt các bộ, tinh thần tài trí sáng láng hơn người, giới hạnh thanh cao, nhưng chấp Tiểu-thừa, chẳng tin Đại-thừa. Vô Trước sợ em lập luận phá hoại Đại-thừa, mới sai người đến nói với Thiên Thân rằng: Nay anh bệnh nặng, em khá đến gặp. Thiên Thân đi theo người dẫn đường, đến nhà gặp anh, hỏi về gốc bệnh. Người anh nói: Anh nah có tâm bệnh, chính vì em là sanh. Em chẳng tin Đại-thừa, thường hay sanh lòng phỉ báng; tạo ác nghiệp ấy, ắt mãi trầm luân. Anh nay rất buồn khổ, e tánh mạng chẳng toàn. Thiên Thân nghe nói, sanh lòng hoảng sợ, bèn xin anh giải nói pháp Đại-thừa. Theo đó, ngài được tỏ ngộ, sau thường đến nhà anh, học rộng, thông suốt được tất cả.

Nhớ lại xưa kia đã huỷ báng Đại-thừa, Ngài tự lấy làm xấu hổ, muốn cắt lưỡi để tạ tội. Anh Ngài can rằng: Lưỡi em khéo xảo, huỷ báng được Đại-thừa, muốn diệt tội ấy, cũng nên thiện xảo, giải nói Đại-thừa. Ngài bèn làm ra *Thập Địa luận*, *Nhiếp Đại-thừa Luận*. Hai bộ luận này là những sáng tác hướng về Đại-thừa. Ngài lại lựa chọn, rút ra những nghĩa lý sâu kín, trọng

yếu, nâng lên đến chỗ tinh vi, thâm thúy mà soạn thành *Ba Mươi Bài Tụng Duy Thức* để cho mọi người sung sướng được biết đến cái ý vị huyền diệu của Đại-thừa.

B. Luận Chủ: Ngài Hộ Pháp Cùng Các Bồ-tát Tạo Luận

Tiếng Phạn *Đạt-ma ba-la* đời Đường dịch là “hộ pháp”. Ngài là con của một vị đại thần ở nước Đạt-la Trỳ-trà. Lúc thiếu thời Ngài đã sáng trí, lại có lòng nhân ái. Vua mến tài đức của Ngài, gả công chúa cho Ngài. Tu lià dục đã lâu, Bồ-tát không có tâm ái nhiễm. Trong đêm sắp đến ngày thành hôn, Ngài lo rầu hết sức, bèn quỳ trước tượng Phật, Ngài thành tâm cầu Phật gia hộ cho thoát khỏi nạn ấy. Lòng thành làm cảm động vị đại thần vương, nên Ngài được dắt đến một ngôi chùa ở trên núi. Các vị tăng ở đó tưởng Ngài là kẻ trộm. Khi được hỏi đến, Ngài tự trình nguyên do tại sao đến đó. Biết rõ sự việc đã xảy ra, ai cũng lấy làm kinh lạ.

Nhân đó được xuất gia. Ngài chuyên tâm tinh tấn, tu theo chánh pháp, nghiên cứu thông suốt các bộ kinh, luật, luận.

Đồng thời với Ngài, có chín nhà đại luận sư, tên là Thân Thắng, Hoà Biện, Đức Huệ, An Huệ, Nan Đà, Tịnh Nguyệt, Thắng Hữu, Trần Na, Ký Nguyệt. Chín vị đó cùng với Ngài, mỗi người giải thích, tạo ra 10 quyển luận, tổng cộng thành 100 quyển.

Ngài Khuy Cơ, chùa Từ-ân, nhận thấy trong 100 quyển luận ấy tôn chỉ và kiến giải đều khác nhau, không biết hỏi ai, bèn cố mời Ngài Huyền Trang tổng hợp lại thành 10 quyển. Bởi thế, trong luận văn, nhiều chỗ có dằng dấp sơ lược.

Vì Ngài Hộ pháp đã trông coi việc biên soạn, nên phải nêu tên Ngài lên đứng đầu, tiêu biểu cho nhóm luận sư này vậy.

C. Dịch Sư: Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang

Đường là quốc hiệu của nước Tàu, từ khi Lý Thế Dân lên làm vua.

Tam Tạng là ba tạng: kinh, luật, luận.

Pháp Sư là người dẫn đầu trong việc noi theo chánh pháp để mở rộng nó bằng đường lối biện luận. Lưu ý, đừng lẫn lộn với pháp-sư ‘thầy cúng’ hiểu theo dân gian Việt Nam.

Huyền Trang là tên húy của Pháp sư. Ngài họ Trần, thân hành sang Tây-vực (Ấn-độ). Lúc về trở về Ngài truyền pháp tướng tông, đầy đủ như Ngài Khuy Cơ ở chùa Từ-ân đã minh chứng rộng rãi.

Dịch là chuyển từ Phạn văn sang Hoa văn.

